

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành/chuyên ngành: Dược học

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- 1.1. Tên học phần: Đạo đức hành nghề Dược
- 1.2. Mã học phần: EPP0031
- 1.3. Số tín chỉ: 02 (02 LT/ 0 TH)
- 1.4. Loại học phần (bắt buộc/lựa chọn): Bắt buộc
- 1.5. Điều kiện tham gia học phần:
 - Học phần tiên quyết: Không
 - Học phần học trước:
 - Học phần song hành:
- 1.6. Các giảng viên phụ trách HP:
 - Giảng viên phụ trách chính: Ths Nguyễn Thị Tuyết Hạnh
 - Các giảng viên cùng giảng dạy: DSCK1 Nguyễn Văn Đình

2. Mô tả học phần *(vị trí, vai trò của học phần đối với CTĐT, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)*

Đạo đức hành nghề Dược: Phần này đề cập đến những nguyên lý cơ bản của đạo đức và đạo đức của người CBYT trong chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Phần chủ yếu Đạo đức Hành nghề Dược mô tả những kiến thức cơ bản về đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp, những điều

qui định về đạo đức với nghề Y nói chung và nghề Dược, những đặc điểm chủ yếu của đạo đức trong hành nghề Dược cũng như các nguyên tắc đạo đức cơ bản trong các lĩnh vực sản xuất thuốc, kinh doanh thuốc và các sản phẩm sinh học, tư vấn sử dụng thuốc, đạo đức trong các nghiên cứu y sinh ở VN

3. Mục tiêu học phần (Course Objectives – COs)

(Mục tiêu của học phần, thể hiện sự tương quan với các chủ đề CĐR của CTĐT (PLOs) và trình độ năng lực được phân bổ cho học phần)

Bảng 1: Mục tiêu của học phần thể hiện sự tương quan với các chủ đề CĐR của CTĐT (PLOs) và trình độ năng lực được phân bổ cho học phần

TT Mục tiêu (COs)	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CĐR của CTĐT (PLOs)	Trình độ năng lực
CO1	Trang bị cho người học các kiến thức về: Khái niệm về đạo đức xã hội, lịch sử đạo đức, phạm trù đạo đức; mười hai điều y đức của cán bộ y tế và mười điều y đức trong hành nghề dược; nguyên tắc và những đặc điểm chủ yếu của đạo đức hành nghề dược; Đạo đức trong sản xuất, kinh doanh, tư vấn thuốc; Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học.	PLO2	3/6
CO ₂	Rèn luyện cho người học các kỹ năng về: Điều chỉnh nhận thức, quản lý cảm xúc và hành vi trong giao tiếp với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, thực hiện tốt mười hai điều y đức và mười điều dược đức trong hành nghề dược, trong sản xuất, kinh doanh, tư vấn thuốc và trong nghiên cứu y sinh học.	PLO5	3/5
CO ₃	Giáo dục, rèn luyện cho người học về thái độ, tinh thần làm việc, lương tâm trách nhiệm của người cán bộ y tế nói chung và người cán bộ dược trong hành nghề dược	PLO _{11,12}	4/5

4. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes – CLOs))

Bảng 2: Mô tả CĐR của học phần Đạo đức hành nghề Dược đáp ứng chuẩn đầu ra với ngành Dược học

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP Đạo đức Hành nghề Dược	CLOs học phần Đạo đức Hành nghề Dược
--	--------------------------------------

Ký hiệu	Mô tả	Trình độ năng lực	Ký hiệu	Mô tả	Mức độ giảng dạy (I, T, U)	Trình độ năng lực	Chương HP đảm nhận
PLO2	Vận dụng được các kiến thức về khoa học tự nhiên, y dược học vào việc nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn.	3/6	CLO1 CLO2	Hiểu biết được các Khái niệm về Đạo đức, Đạo đức nghề nghiệp, Đạo đức nghề Dược, Tâm lý xã hội tình cảm nghĩa vụ lương tâm lễ sống, trách nhiệm Áp dụng các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong sản xuất, kinh doanh, tư vấn thuốc, và nghiên cứu y sinh học.	IT ITU	3/6	Bài 1-7
PLO5	Vận dụng được các văn bản pháp quy về dược có liên quan đến lĩnh vực hoạt động chuyên môn	3/6	CLO2 CLO3	Áp dụng các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong sản xuất, kinh doanh, tư vấn thuốc, và nghiên cứu y sinh học. Vận dụng được các văn bản quy phạm pháp luật về dược có liên quan đến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp đề xuất được các tình huống và có hướng giải quyết phù hợp	ITU ITU	3/6	Bài 1-7
PLO11	Có lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức tốt, lối sống lành mạnh. Chấp hành tốt chủ trương,	4/5	CLO3.CLO5	Vận dụng được các hiểu biết về Đạo đức trách nhiệm xã hội vào thực hiện các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ. Chấp hành quy chế chuyên môn quy	TU	3/5	Bài 1-7

	đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.			định pháp luật nội quy của cơ quan đơn vị			
PLO12	Tôn trọng, hợp tác với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, đồng nghiệp và đối tác. Coi trọng việc kết hợp y dược học hiện đại với y dược học cổ truyền; Có ý thức trách nhiệm với xã hội và môi trường.	4/5	CLO4,CLO5	Vận dụng các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong sản xuất, kinh doanh, tư vấn thuốc, và nghiên cứu y sinh học trong mối quan hệ với khách hàng với bệnh nhân. Coi trọng Dược học cổ truyền, có trách nhiệm với xã hội môi trường	TU	3/5	Bài 1-7

Bảng 3: Ma trận đóng góp của các bài giảng cho việc đạt CDR học phần

PLOs được phân nhiệm	PLO2	PLO5	PLO 11, 12	
CLOs Bài giảng			NL tự chủ và TN	
	CLO1	CLO2,3	CLO3,5	CLO4,5
	CLO2, CLO5	CLO2, CLO5	CLO1,2,3,4,5	CLO1,2,3,4,5
Bài 1 Lịch sử đạo đức, Khái niệm đạo đức, và phạm trù đạo đức	X	X	XXXXX	XXXXX
Bài 2 12 điều Y đức của người cán bộ y tế 10 điều Y đức trong hành nghề Dược	X	X	XXXXX	XXXXX

Bài 3 Những đặc điểm chủ yếu của đạo đức trong hành nghề dược	X	X	XXXXX	XXXXX
Bài 4 Đạo đức trong sản xuất thuốc	X X	X X	XXXXX	XXXXX
Bài 5 Đạo đức trong kinh doanh thuốc	X X	X X	XXXXX	XXXXX
Bài 6 Đạo đức trong tư vấn sử dụng thuốc	X X	X X	XXXXX	XXXXX
Bài 7 Đạo đức trong nghiên cứu khoa học dược	X X	X X	XXXXX	XXXXX

5. Đánh giá học phần (các thành phần, các bài đánh giá và tỉ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của học phần)

Bảng 3. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR HP được đánh giá (CLOs)	Trọng số (tỉ lệ %)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
A1. Đánh giá quá trình			50		
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			20		
Sự chuyên cần	Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp	CLO11,12		Điểm danh trên lớp	Các buổi học
Thái độ học tập	Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp và bài tập về nhà	CLO11,12		Thông qua các hoạt động trên lớp	Các buổi học
A1.2. Kiểm tra định kỳ			30		

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR HP được đánh giá (CLOs)	Trọng số (tỉ lệ %)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
	Bài kiểm tra 1	CLO1,2	30	Tự luận	
	Bài kiểm tra 2	CLO1,2,3,4,5		Tự luận	
A2. Đánh giá cuối kỳ			50		
	Thi cuối kỳ	CLO1,2,3,4,5	50	Tự luận	Theo lịch thi của phòng QLĐT

Bảng 5. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CĐR học phần

CLO s Bài ĐG	Kiến thức chung		Kỹ năng chung	NL tự chủ và TN	
	1	2	3	4	5
	CLO1	CLO2,3	CLO3,5	CLO3,5	CLO4,5
A1.1	X	X	X		
A1.2	X	X	X		
A2	X	X	X		

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy (các nội dung giảng dạy lí thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CĐR và các bài đánh giá học phần)

Bảng 6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH/TT)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)	(6)	(7)
1	Lịch sử đạo đức, Khái niệm đạo đức, và phạm trù đạo đức	4LT	PLO2, PLO11, PLO12	Trình bày, phát vấn, hỏi đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép/ - Đọc trước tài liệu và tóm tắt nội dung chính, lắng nghe - Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu	A1
2	12 điều Y đức của người cán bộ y tế 10 điều Y đức trong hành nghề Dược	4LT +2 TL	PLO2, PLO11, PLO12	Trình bày, phát vấn, hỏi đáp, Thảo luận, đàm thoại	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép/ - Đọc trước tài liệu và tóm tắt nội dung chính, lắng nghe - Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu	A1
3	Những đặc điểm chủ yếu của đạo đức trong hành nghề dược	4LT +2 TL	PLO2, PLO11, PLO12	Trình bày, phát vấn, hỏi đáp, đàm thoại, Thảo luận	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép/ - Đọc trước tài liệu và tóm tắt nội dung chính, lắng nghe - Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu	A1 A1.1

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH/TT)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
4	Đạo đức trong sản xuất thuốc	2LT +2T L	PLO2,5 PLO11, PLO12	Trình bày, phát vấn, hỏi đáp, đàm thoại, Thảo luận	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép/ - Đọc trước tài liệu và tóm tắt nội dung chính, lắng nghe - Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu	A1 A1.1
5	Đạo đức trong kinh doanh thuốc	2LT +2T L	PLO2,5 PLO11, PLO12	Trình bày, phát vấn, hỏi đáp, đàm thoại, Thảo luận	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép/ - Đọc trước tài liệu và tóm tắt nội dung chính, lắng nghe - Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu	A1 A1.1
6	Đạo đức trong tư vấn sử dụng thuốc	2LT +2T L	PLO2, 5 PLO11, PLO12	Trình bày, phát vấn, hỏi đáp, đàm thoại, Thảo luận	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép/ - Đọc trước tài liệu và tóm tắt nội dung chính, lắng nghe - Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu	A1 A1.1
7	Đạo đức trong nghiên cứu khoa học được	2LT	PLO2,5 PLO11, PLO12	Trình bày, phát vấn, hỏi đáp, đàm thoại	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép/ - Đọc trước tài liệu và tóm tắt nội dung chính, lắng nghe - Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu	A2
	Tổng	30				

7. Học liệu học tập

Bảng 7. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
1	<i>Khoa Y Dược</i> (Giáo trình nội bộ)	2018	<i>Đạo đức trong hành nghề dược</i>	Khoa Y dược Trường ĐH Thành Đông
2	Lê Viết Hùng	2011	Kỹ năng giao tiếp và thực hành tốt nhà thuốc	NXB Giáo dục
	Sách, giáo trình tham khảo			
2	Bộ Y tế	2019	Bộ Y tế, 12 điều y đức của người cán bộ y tế 10 điều Y đức trong hành nghề Dược	Bộ Y tế

Bảng 8. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Văn bản quy định về Đạo đức trong nghiên cứu Y sinh	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-43-2024-TT-BYT-thanh-lap-Hoi-dong-dao-duc-trong-nghien-cuu-y-sinh-hoc-635867.aspx	Tháng 7 năm 2021
2	Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-43-2024-TT-BYT-thanh-lap-Hoi-dong-dao-duc-trong-nghien-cuu-y-sinh-hoc-635867.aspx	Tháng 7 năm 2021

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
		<i>dong-dao-duc-trong-nghien-cuu-y-sinh-hoc-635867.aspx</i>	
3	Thông 43/2024/TT BYT THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VIỆC THÀNH LẬP, TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG ĐẠO ĐỨC TRONG NGHIÊN CỨU Y SINH HỌC	<i>https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-43-2024-TT-BYT-thanh-lap-Hoi-dong-dao-duc-trong-nghien-cuu-y-sinh-hoc-635867.aspx</i>	Tháng 7 năm 2021

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm...	Số lượng	
1	Giảng đường C	Máy chiếu, bảng, Các Slide, bài giảng...		Baif1,2,3,4,,5,6,7

9. Các Rubric đánh giá kết quả học tập (Có file các rubric ứng với từng PP đánh giá để Thầy Cô tham khảo. Thầy Cô có thể tự xây dựng rubric hoặc điều chỉnh file đã có để phù hợp với PP đánh giá lựa chọn).

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	Trọng số

Chuyên cần	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%)	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%)	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Rubric 2: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	Trọng số
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể, biết thiết kế trên video	50%

Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body and conclusion)	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

Rubric 3: Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	30%
Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần)	<30%	<50%	<70%	<90%	100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	20%
Thảo luận	Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm.	Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm	30%
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh	20%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	Trọng số
			từ các thành viên khác của nhóm	nghiệm từ các thành viên khác của nhóm	nghiệm từ các thành viên khác của nhóm	

Rubric 4: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	Trọng số
Nộp bài tập	Không nộp bài tập	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font	Không có bài tập Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lập luận	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lập luận logic sử dụng	30%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	Trọng số
	chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong bài không phù hợp.	chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong bài không phù hợp.	bài rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú)	sử dụng trong bài tập rõ ràng, hợp lý. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý	trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận đúng, rõ ràng	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận chứng cứ logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý	50%

Hải Dương, ngày... tháng... năm 2021

Trưởng khoa

(Đã ký)

PGS.TSKH. Phùng Đức Cam

Người biên soạn

(Đã ký)

Ths Nguyễn Thị Tuyết Hạnh